

PHỤ LỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN
(Kèm Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND xã Ba Dinh)

ST T	Số liệu trước điều chỉnh															Số liệu sau điều chỉnh																	
	Đơn vị	Cấp NS	Mã QHNS	Mã DBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	DT năm trước chuyển sang	DT giao đầu năm	DT bổ sung trong năm	DT được sử dụng	DT đã sử dụng	DT giữ lại	DT còn lại	Đơn vị	Cấp NS	Mã QHNS	Mã DBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Mã CTMT	DT năm trước chuyển sang	DT giao đầu năm	DT bổ sung trong năm	DT được sử dụng	DT đã sử dụng	DT giữ lại	DT còn lại			
1	TRƯỜNG MN BA GIANG	Tổng cộng: Trường MN Ba Giang									2.400.000.000	807.507.000	3.207.507.000	1.425.823.520	3.834.000	1.781.683.480	Tổng cộng									2.400.000.000	811.341.000	3.207.507.000	1.425.823.520		1.781.683.480		
		4	1128179	21499	822	071	12	00000		219.000.000	728.731.000	947.731.000	300.350.000		647.381.000	4	1111847	21499	822	071	12	00000		219.000.000	728.731.000	947.731.000	300.350.000		647.381.000				
		4	1128179	21499	822	071	13	00000		2.181.000.000	(3.834.000)	2.177.166.000	1.125.473.520		1.051.692.480	4	1111847	21499	822	071	13	00000		2.181.000.000	-3.834.000	2.177.166.000	1.125.473.520		1.051.692.480				
		4	1128179	21499	822	071	18	00000			82.610.000	82.610.000	-		82.610.000	4	1111847	21499	822	071	18	00000			82.610.000			-		82.610.000			
		4	1128179	21499	822	071	28	00000						3.834.000		4	1111847	21499	822	071	28	00000						3.834.000					
2	TRƯỜNG THCS BA DINH - BA TỔ	Tổng cộng: Trường THCS Ba Dinh-Ba Tổ									2.345.647	7.155.000.000	856.445.000	8.060.590.647	3.878.100.313	20.755.000	4.182.490.334	Tổng cộng									2.345.647	7.155.000.000	856.445.000	8.060.590.647	3.878.100.313	20.755.000	4.182.490.334
		4	1101642	21499	822	073	12	00000		710.000.000	646.200.000	1.403.000.000	649.860.000	0	753.140.000	4	1172920	21499	822	073	12	00000		710.000.000	646.200.000	1.403.000.000	649.860.000	0	753.140.000				
		4	1101642	21499	822	073	13	00000	2.345.647	6.445.000.000	-20.755.000	6.426.590.647	3.228.240.313	0	3.198.350.334	4	1172920	21499	822	073	13	00000	2.345.647	6.445.000.000	-20.755.000	6.426.590.647	3.228.240.313	0	3.198.350.334				
		4	1101642	21499	822	073	18	00000		0	231.000.000	231.000.000	0	0	231.000.000	4	1172920	21499	822	073	18	00000		0	231.000.000	231.000.000	0	0	231.000.000				
		4	1101642	21499	822	073	28	00000		0	0	0	0	20.755.000	-	4	1172920	21499	822	073	28	00000		0	0	0	0	20.755.000	-				
	TRƯỜNG TIỂU HỌC BA DINH	Tổng cộng: Trường Tiểu Học Ba Dinh									3.580.114	9.058.000.000	449.430.000	9.511.010.114	4.816.443.385	32.300.000	4.694.566.729	Tổng cộng									3.580.114	9.058.000.000	449.430.000	9.511.010.114	4.816.443.385	32.300.000	4.694.566.729
		4	1101724	21499	822	072	12	00000		784.000.000	255.850.000	1.039.850.000	665.250.000		374.600.000	4	1172920	21499	822	073	12	00000		784.000.000	255.850.000	1.039.850.000	665.250.000		374.600.000				
		4	1101724	21499	822	072	13	00000	3.580.114	8.274.000.000	-32.300.000	8.245.280.114	4.151.193.385		4.094.086.729	4	1172920	21499	822	073	13	00000	3.580.114	8.274.000.000	-32.300.000	8.245.280.114	4.151.193.385		4.094.086.729				
		4	1101724	21499	822	072	18	00000			225.880.000	225.880.000			225.880.000	4	1172920	21499	822	073	18	00000			225.880.000	225.880.000			225.880.000				
		4	1101724	21499	822	072	28	00000			0			32.300.000	-	4	1172920	21499	822	073	28	00000			0			32.300.000	-				

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH THEO TIÊU MỤC
(Kèm Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND xã Ba Đình)

STT	Số liệu trước điều chỉnh										Số liệu sau điều chỉnh												
	Đơn vị	Mã NDKT	Mã cấp	Mã QHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	Số tiền	Đơn vị	Mã NDKT	Mã cấp	Mã QHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	Số tiền			
		Tổng cộng: Trường MN Ba Giang									1.425.823.520			Tổng cộng									1.425.823.520
1	TRƯỜNG MN BA GIANG	6199	4	1128179	21499	822	071	00000	12	127.200.000	TRƯỜNG MN BA ĐÌNH	6199	4	1111847	21499	822	071	00000	12	127.200.000			
		6157	4	1128179	21499	822	071	00000	12	63.750.000		6157	4	1111847	21499	822	071	00000	12	63.750.000			
		6299	4	1128179	21499	822	071	00000	12	23.400.000		6299	4	1111847	21499	822	071	00000	12	23.400.000			
		6449	4	1128179	21499	822	071	00000	12	52.500.000		6449	4	1111847	21499	822	071	00000	12	52.500.000			
		6757	4	1128179	21499	822	071	00000	12	12.000.000		6757	4	1111847	21499	822	071	00000	12	12.000.000			
		7766	4	1128179	21499	822	071	00000	12	21.500.000		7766	4	1111847	21499	822	071	00000	12	21.500.000			
		6001	4	1128179	21499	822	071	00000	13	490.579.900		6001	4	1111847	21499	822	071	00000	13	490.579.900			
		6101	4	1128179	21499	822	071	00000	13	10.178.950		6101	4	1111847	21499	822	071	00000	13	10.178.950			
		6051	4	1128179	21499	822	071	00000	13	14.767.500		6051	4	1111847	21499	822	071	00000	13	14.767.500			
		6102	4	1128179	21499	822	071	00000	13	31.787.125		6102	4	1111847	21499	822	071	00000	13	31.787.125			
		6103	4	1128179	21499	822	071	00000	13	31.115.380		6103	4	1111847	21499	822	071	00000	13	31.115.380			
		6112	4	1128179	21499	822	071	00000	13	203.136.205		6112	4	1111847	21499	822	071	00000	13	203.136.205			
		6113	4	1128179	21499	822	071	00000	13	2.574.000		6113	4	1111847	21499	822	071	00000	13	2.574.000			
		6115	4	1128179	21499	822	071	00000	13	36.959.086		6115	4	1111847	21499	822	071	00000	13	36.959.086			
		6121	4	1128179	21499	822	071	00000	13	70.567.000		6121	4	1111847	21499	822	071	00000	13	70.567.000			
		6301	4	1128179	21499	822	071	00000	13	59.551.518		6301	4	1111847	21499	822	071	00000	13	59.551.518			
		6302	4	1128179	21499	822	071	00000	13	11.403.771		6302	4	1111847	21499	822	071	00000	13	11.403.771			
		6304	4	1128179	21499	822	071	00000	13	5.027.489		6304	4	1111847	21499	822	071	00000	13	5.027.489			
		6501	4	1128179	21499	822	071	00000	13	4.394.961		6501	4	1111847	21499	822	071	00000	13	4.394.961			
		6649	4	1128179	21499	822	071	00000	13	3.535.200		6649	4	1111847	21499	822	071	00000	13	3.535.200			
		6606	4	1128179	21499	822	071	00000	13	7.751.000		6606	4	1111847	21499	822	071	00000	13	7.751.000			
		6699	4	1128179	21499	822	071	00000	13	4.968.000		6699	4	1111847	21499	822	071	00000	13	4.968.000			
		6105	4	1128179	21499	822	071	00000	13	22.135.335		6105	4	1111847	21499	822	071	00000	13	22.135.335			
		6299	4	1128179	21499	822	071	00000	13	1.410.000		6299	4	1111847	21499	822	071	00000	13	1.410.000			
		6551	4	1128179	21499	822	071	00000	13	4.000.000		6551	4	1111847	21499	822	071	00000	13	4.000.000			
		6552	4	1128179	21499	822	071	00000	13	10.930.000		6552	4	1111847	21499	822	071	00000	13	10.930.000			
		6553	4	1128179	21499	822	071	00000	13	2.550.000		6553	4	1111847	21499	822	071	00000	13	2.550.000			
		6599	4	1128179	21499	822	071	00000	13	3.000.000		6599	4	1111847	21499	822	071	00000	13	3.000.000			
		6701	4	1128179	21499	822	071	00000	13	1.352.000		6701	4	1111847	21499	822	071	00000	13	1.352.000			
		6702	4	1128179	21499	822	071	00000	13	560.000		6702	4	1111847	21499	822	071	00000	13	560.000			
		6703	4	1128179	21499	822	071	00000	13	800.000		6703	4	1111847	21499	822	071	00000	13	800.000			
		6757	4	1128179	21499	822	071	00000	13	14.040.000		6757	4	1111847	21499	822	071	00000	13	14.040.000			
		6912	4	1128179	21499	822	071	00000	13	5.090.000		6912	4	1111847	21499	822	071	00000	13	5.090.000			
		6913	4	1128179	21499	822	071	00000	13	4.720.000		6913	4	1111847	21499	822	071	00000	13	4.720.000			
		6921	4	1128179	21499	822	071	00000	13	6.774.000		6921	4	1111847	21499	822	071	00000	13	6.774.000			
		7001	4	1128179	21499	822	071	00000	13	11.934.000		7001	4	1111847	21499	822	071	00000	13	11.934.000			
		7049	4	1128179	21499	822	071	00000	13	21.010.000		7049	4	1111847	21499	822	071	00000	13	21.010.000			
		7757	4	1128179	21499	822	071	00000	13	4.203.100		7757	4	1111847	21499	822	071	00000	13	4.203.100			
		7799	4	1128179	21499	822	071	00000	13	22.668.000		7799	4	1111847	21499	822	071	00000	13	22.668.000			
		TỔNG CỘNG: TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH - BA TỔ									3.878.100.313			TỔNG CỘNG									3.878.100.313
		6199	4	1101642	21499	822	073	00000	12	336.960.000		6199	4	1172920	21499	822	073	00000	12	336.960.000			
		6299	4	1101642	21499	822	073	00000	12	46.800.000		6299	4	1172920	21499	822	073	00000	12	46.800.000			
		6157	4	1101642	21499	822	073	00000	12	266.100.000		6157	4	1172920	21499	822	073	00000	12	266.100.000			
		6001	4	1101642	21499	822	073	00000	13	1.144.579.958		6001	4	1172920	21499	822	073	00000	13	1.144.579.958			
		6051	4	1101642	21499	822	073	00000	13	26.467.600		6051	4	1172920	21499	822	073	00000	13	26.467.600			
		6101	4	1101642	21499	822	073	00000	13	16.146.000		6101	4	1172920	21499	822	073	00000	13	16.146.000			
		6102	4	1101642	21499	822	073	00000	13	92.664.000		6102	4	1172920	21499	822	073	00000	13	92.664.000			
6103	4	1101642	21499	822	073	00000	13	156.953.160	6103	4	1172920	21499	822	073	00000	13	156.953.160						

STT	Số liệu trước điều chỉnh										Số liệu sau điều chỉnh												
	Đơn vị	Mã NDKT	Mã cấp	Mã QHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	Số tiền	Đơn vị	Mã NDKT	Mã cấp	Mã QHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	Số tiền			
2	TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH - BA TỔ	6105	4	1101642	21499	822	073	00000	13	120.921.939	TRƯỜNG TH&THCS BA ĐÌNH	6105	4	1172920	21499	822	073	00000	13	120.921.939			
		6107	4	1101642	21499	822	073	00000	13	2.808.000		6107	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.808.000			
		6112	4	1101642	21499	822	073	00000	13	763.340.760		6112	4	1172920	21499	822	073	00000	13	763.340.760			
		6113	4	1101642	21499	822	073	00000	13	5.616.000		6113	4	1172920	21499	822	073	00000	13	5.616.000			
		6115	4	1101642	21499	822	073	00000	13	181.928.461		6115	4	1172920	21499	822	073	00000	13	181.928.461			
		6121	4	1101642	21499	822	073	00000	13	177.372.000		6121	4	1172920	21499	822	073	00000	13	177.372.000			
		6299	4	1101642	21499	822	073	00000	13	7.800.000		6299	4	1172920	21499	822	073	00000	13	7.800.000			
		6301	4	1101642	21499	822	073	00000	13	236.610.132		6301	4	1172920	21499	822	073	00000	13	236.610.132			
		6302	4	1101642	21499	822	073	00000	13	40.561.740		6302	4	1172920	21499	822	073	00000	13	40.561.740			
		6304	4	1101642	21499	822	073	00000	13	13.520.575		6304	4	1172920	21499	822	073	00000	13	13.520.575			
		6449	4	1101642	21499	822	073	00000	13	8.956.000		6449	4	1172920	21499	822	073	00000	13	8.956.000			
		6501	4	1101642	21499	822	073	00000	13	9.400.830		6501	4	1172920	21499	822	073	00000	13	9.400.830			
		6551	4	1101642	21499	822	073	00000	13	16.130.000		6551	4	1172920	21499	822	073	00000	13	16.130.000			
		6552	4	1101642	21499	822	073	00000	13	39.897.000		6552	4	1172920	21499	822	073	00000	13	39.897.000			
		6553	4	1101642	21499	822	073	00000	13	4.925.000		6553	4	1172920	21499	822	073	00000	13	4.925.000			
		6599	4	1101642	21499	822	073	00000	13	2.700.000		6599	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.700.000			
		6605	4	1101642	21499	822	073	00000	13	2.927.858		6605	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.927.858			
		6649	4	1101642	21499	822	073	00000	13	6.028.000		6649	4	1172920	21499	822	073	00000	13	6.028.000			
		6657	4	1101642	21499	822	073	00000	13	150.000		6657	4	1172920	21499	822	073	00000	13	150.000			
		6699	4	1101642	21499	822	073	00000	13	7.540.000		6699	4	1172920	21499	822	073	00000	13	7.540.000			
		6701	4	1101642	21499	822	073	00000	13	1.681.500		6701	4	1172920	21499	822	073	00000	13	1.681.500			
		6702	4	1101642	21499	822	073	00000	13	780.000		6702	4	1172920	21499	822	073	00000	13	780.000			
		6703	4	1101642	21499	822	073	00000	13	200.000		6703	4	1172920	21499	822	073	00000	13	200.000			
		6704	4	1101642	21499	822	073	00000	13	1.750.000		6704	4	1172920	21499	822	073	00000	13	1.750.000			
		6757	4	1101642	21499	822	073	00000	13	14.040.000		6757	4	1172920	21499	822	073	00000	13	14.040.000			
		6799	4	1101642	21499	822	073	00000	13	6.965.000		6799	4	1172920	21499	822	073	00000	13	6.965.000			
		6912	4	1101642	21499	822	073	00000	13	17.027.000		6912	4	1172920	21499	822	073	00000	13	17.027.000			
		6913	4	1101642	21499	822	073	00000	13	3.950.000		6913	4	1172920	21499	822	073	00000	13	3.950.000			
		6921	4	1101642	21499	822	073	00000	13	42.242.000		6921	4	1172920	21499	822	073	00000	13	42.242.000			
		6999	4	1101642	21499	822	073	00000	13	12.760.000		6999	4	1172920	21499	822	073	00000	13	12.760.000			
		7001	4	1101642	21499	822	073	00000	13	6.326.800		7001	4	1172920	21499	822	073	00000	13	6.326.800			
		7049	4	1101642	21499	822	073	00000	13	30.633.000		7049	4	1172920	21499	822	073	00000	13	30.633.000			
		7799	4	1101642	21499	822	073	00000	13	3.940.000		7799	4	1172920	21499	822	073	00000	13	3.940.000			
	Tổng cộng:TRƯỜNG TIỂU HỌC BA ĐÌNH											Tổng cộng											
			6157	4	1101724	21499	822	072	00000	12		285.450.000			6157	4	1172920	21499	822	073	00000	12	285.450.000
			6199	4	1101724	21499	822	072	00000	12		356.400.000			6199	4	1172920	21499	822	073	00000	12	356.400.000
			6299	4	1101724	21499	822	072	00000	12		23.400.000			6299	4	1172920	21499	822	073	00000	12	23.400.000
			6001	4	1101724	21499	822	072	00000	13		1.469.997.290			6001	4	1172920	21499	822	073	00000	13	1.469.997.290
			6051	4	1101724	21499	822	072	00000	13		30.989.500			6051	4	1172920	21499	822	073	00000	13	30.989.500
			6101	4	1101724	21499	822	072	00000	13		28.845.250			6101	4	1172920	21499	822	073	00000	13	28.845.250
			6102	4	1101724	21499	822	072	00000	13		124.254.000			6102	4	1172920	21499	822	073	00000	13	124.254.000
			6103	4	1101724	21499	822	072	00000	13		104.373.360			6103	4	1172920	21499	822	073	00000	13	104.373.360
			6105	4	1101724	21499	822	072	00000	13		44.637.176			6105	4	1172920	21499	822	073	00000	13	44.637.176
			6107	4	1101724	21499	822	072	00000	13		2.808.000			6107	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.808.000
			6112	4	1101724	21499	822	072	00000	13		986.054.377			6112	4	1172920	21499	822	073	00000	13	986.054.377
			6113	4	1101724	21499	822	072	00000	13		5.616.000			6113	4	1172920	21499	822	073	00000	13	5.616.000
			6115	4	1101724	21499	822	072	00000	13		289.671.715			6115	4	1172920	21499	822	073	00000	13	289.671.715
			6121	4	1101724	21499	822	072	00000	13		259.038.000			6121	4	1172920	21499	822	073	00000	13	259.038.000
			6157	4	1101724	21499	822	072	00000	13		14.040.000			6157	4	1172920	21499	822	073	00000	13	14.040.000
			6301	4	1101724	21499	822	072	00000	13		314.588.887			6301	4	1172920	21499	822	073	00000	13	314.588.887
			6302	4	1101724	21499	822	072	00000	13		46.437.823			6302	4	1172920	21499	822	073	00000	13	46.437.823
		6304	4	1101724	21499	822	072	00000	13	17.976.508			6304	4	1172920	21499	822	073	00000	13	17.976.508		

STT	Số liệu trước điều chỉnh										Số liệu sau điều chỉnh									
	Đơn vị	Mã NDKT	Mã cấp	Mã QHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	Số tiền	Đơn vị	Mã NDKT	Mã cấp	Mã QHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	Số tiền
	TRƯỜNG TIÊU HỌC BA DINH	6449	4	1101724	21499	822	072	00000	13	11.044.800		6449	4	1172920	21499	822	073	00000	13	11.044.800
		6501	4	1101724	21499	822	072	00000	13	11.412.577		6501	4	1172920	21499	822	073	00000	13	11.412.577
		6504	4	1101724	21499	822	072	00000	13	798.000		6504	4	1172920	21499	822	073	00000	13	798.000
		6551	4	1101724	21499	822	072	00000	13	5.175.000		6551	4	1172920	21499	822	073	00000	13	5.175.000
		6552	4	1101724	21499	822	072	00000	13	37.840.000		6552	4	1172920	21499	822	073	00000	13	37.840.000
		6553	4	1101724	21499	822	072	00000	13	5.450.000		6553	4	1172920	21499	822	073	00000	13	5.450.000
		6599	4	1101724	21499	822	072	00000	13	3.739.400		6599	4	1172920	21499	822	073	00000	13	3.739.400
		6601	4	1101724	21499	822	072	00000	13	114.640		6601	4	1172920	21499	822	073	00000	13	114.640
		6605	4	1101724	21499	822	072	00000	13	2.115.000		6605	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.115.000
		6606	4	1101724	21499	822	072	00000	13	1.500.000		6606	4	1172920	21499	822	073	00000	13	1.500.000
		6608	4	1101724	21499	822	072	00000	13	7.972.000		6608	4	1172920	21499	822	073	00000	13	7.972.000
		6649	4	1101724	21499	822	072	00000	13	4.808.000		6649	4	1172920	21499	822	073	00000	13	4.808.000
		6657	4	1101724	21499	822	072	00000	13	600.000		6657	4	1172920	21499	822	073	00000	13	600.000
		6699	4	1101724	21499	822	072	00000	13	700.000		6699	4	1172920	21499	822	073	00000	13	700.000
		6701	4	1101724	21499	822	072	00000	13	1.882.500		6701	4	1172920	21499	822	073	00000	13	1.882.500
		6702	4	1101724	21499	822	072	00000	13	2.350.000		6702	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.350.000
		6751	4	1101724	21499	822	072	00000	13	4.500.000		6751	4	1172920	21499	822	073	00000	13	4.500.000
		6757	4	1101724	21499	822	072	00000	13	18.000.000		6757	4	1172920	21499	822	073	00000	13	18.000.000
		6799	4	1101724	21499	822	072	00000	13	9.990.000		6799	4	1172920	21499	822	073	00000	13	9.990.000
		6907	4	1101724	21499	822	072	00000	13	5.500.000		6907	4	1172920	21499	822	073	00000	13	5.500.000
		6912	4	1101724	21499	822	072	00000	13	10.778.400		6912	4	1172920	21499	822	073	00000	13	10.778.400
		6913	4	1101724	21499	822	072	00000	13	129.600		6913	4	1172920	21499	822	073	00000	13	129.600
		6921	4	1101724	21499	822	072	00000	13	2.465.000		6921	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.465.000
		6949	4	1101724	21499	822	072	00000	13	72.256.582		6949	4	1172920	21499	822	073	00000	13	72.256.582
		6955	4	1101724	21499	822	072	00000	13	42.570.000		6955	4	1172920	21499	822	073	00000	13	42.570.000
		6999	4	1101724	21499	822	072	00000	13	36.200.000		6999	4	1172920	21499	822	073	00000	13	36.200.000
		7001	4	1101724	21499	822	072	00000	13	2.205.000		7001	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.205.000
		7049	4	1101724	21499	822	072	00000	13	107.189.000		7049	4	1172920	21499	822	073	00000	13	107.189.000
		7799	4	1101724	21499	822	072	00000	13	2.580.000		7799	4	1172920	21499	822	073	00000	13	2.580.000

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN TIỀN GỬI

(Kèm Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND xã Ba Dinh)

STT	Số liệu trước điều chỉnh (trước sáp nhập)			Số liệu sau điều chỉnh (sau sáp nhập)		
	Tên đơn vị	Số tài khoản cũ	Số tiền	Tên đơn vị	Số tài khoản mới	Số tiền
1	Trường mầm non Ba Giang	3716.4.1128179.00000	51.152.686	Trường mầm non Ba Dinh	3716.4.1111847.00000	51.152.686
2	Trường mầm non Ba Giang	3713.0.1128179.00000	34.360	Trường mầm non Ba Dinh	3713.0.1111847.00000	34.360
3	Trường THCS Ba Dinh-Ba Tô	3716.4.1101642.00000	116.729.692	Trường TH&THCS Ba Dinh	3716.4.1172920.00000	116.729.692
		3713.0.1101642.00000	19.373.236		3713.0.1172920.00000	19.381.197
Tổng cộng			187.289.974	Tổng cộng		187.297.935